

TOPIC 3: CLOTHES		
1.	Áo khoác	
2.	Chân váy	
3.	Đôi tất	
4.	Áo phông	
5.	Áo sơ mi	
6.	Áo len	
7.	Mũ	
8.	Quần sóc	
9.	Kính	
10.	Cà vạt	
11.	Đôi giày	
12.	Áo khoác dài	
13.	Quần âu	
14.	Váy	
15.	Quần bò	
16.	Túi xách tay	
17.	Cặp sách	
18.	Đôi bốt	
19.	Mũ bóng chày	
20.	Mặc (v)	
TOPIC 4: BODY AND FACE		
21.	Khuôn mặt	
22.	Mắt/đôi mắt	
23.	Tai/ đôi tai	
24.	miệng	
25.	Mũi	
26.	Hàm răng	
27.	Cái đầu	
28.	Bàn tay	

29.	Cánh tay/2 cánh tay	
30.	cổ	
31.	Đuôi	
32.	Cơ thể	
33.	1 bàn chân/2 bàn chân	
34.	Cái chân/ đôi chân	
35.	Tóc	
36.	Cái lưng	
37.	Cười	